

NỘI DUNG GHI BÀI TUẦN 11

TUẦN 11

Tiết 42+43: Tập làm văn

LUYỆN NÓI: KỂ CHUYỆN THEO NGÔI KỂ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý:** Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 109, 110 và thực hiện các yêu cầu:

*** Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức**

- + Trong văn tự sự ta thường dùng những loại ngôi kể nào ? Tác dụng của mỗi loại ngôi kể?
- + Lấy VD về cách kể theo các ngôi đó ?
- + Tại sao người ta phải thay đổi ngôi kể ? Việc thay đổi ngôi kể có tác dụng gì?
- + Trong bài văn tự sự, yếu tố miêu tả và biểu cảm có tác dụng gì?
- + Việc kể chuyện theo ngôi kể kết hợp miêu tả, biểu cảm phải đảm bảo yêu cầu gì?

*** Nhiệm vụ 2: Luyện nói**

- Gọi HS đọc đoạn trích trong sgk. Cho HS xác định:
 - + Nhân vật, sự việc, ngôi kể trong đoạn văn?
 - + Các yếu tố biểu cảm nổi bật?
 - + Các yếu tố miêu tả và tác dụng của chúng?
 - + Muốn kể lại đoạn trích trên theo ngôi thứ nhất thì phải thay đổi những gì ?
- Học sinh luyện nói

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: ghi chép bài đầy đủ vào vở

I. Củng cố kiến thức:

*** Ngôi kể:**

- **Kể theo ngôi thứ nhất:** người kể xưng tôi trong câu chuyện. Kể theo ngôi này, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua có thể trực tiếp nói ra những suy nghĩ, tình cảm của mình, ... kể như là người trong cuộc.

=> Tác dụng: Làm tăng tính chân thực, thuyết phục “như là có thật” của câu chuyện

VD: Trong lòng mẹ, Tôi đi học.

-Kể theo ngôi thứ ba: người kể tự giấu mình đi, gọi tên các nhân vật bằng tên gọi của chúng

=>Tác dụng giúp người kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.

VD: Tức nước vỡ bờ, Chiếc lá cuối cùng.....

***Thay đổi ngôi kể:**

- Thay đổi điểm nhìn đối với sự việc và nhân vật

+ Người trong cuộc khác người ngoài cuộc.

+ Sự việc liên quan đến người kể khác với sự việc không liên quan đến người kể.

- Thay đổi thái độ miêu tả, biểu cảm

+ Người trong cuộc có thể buồn vui theo cảm tính chủ quan.

+ Người ngoài cuộc có thể dùng miêu tả, biểu cảm để góp phần khắc họa tính cách nhân vật.

II. LUYỆN NÓI

Kể lại sự việc chị Dậu đánh nhau với cai lệ và người nhà lý trưởng bằng vai kể của chị Dậu?

- Sự việc: Cuộc đối đầu giữa những kẻ đi thúc sưu với người xin khất sưu.

- Nhân vật chính: Chị Dậu

- Ngôi kể thứ ba

- Các yếu tố biểu cảm nổi bật trong đoạn văn:

+ Van xin, nín nhịn: *Cháu van ông...*

+ Bị ức hiếp, phẫn nộ: *Chồng tôi đau ốm...*

+ Căm thù vùng lên: *mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!*

- Các yếu tố miêu tả và tác dụng của chúng

+ *Chị Dậu xám mặt, Sức leo khoẻo của anh chàng nghiện...người đàn bà lực điền...ngã chổng quèo...nham nhảm thét... anh chàng hầu cận ông lí...chị chàng con mọn...ngã nhào ra thêm...*

+ Tác dụng: nêu bật sức mạnh của lòng căm thù

III. LUYỆN TẬP

HS kể một câu chuyện theo ngôi thứ ba chú ý yếu tố miêu tả và biểu cảm

IV. DẶN DÒ

- Hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị bài “ Câu ghép”



TUẦN 11

Tiết 44

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kỹ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

- Tìm lại đề kiểm tra.

- * **Nhiệm vụ 1:** Ôn lại kiến thức Tiếng Việt.
- * **Nhiệm vụ 2:** Ôn lại kiến thức văn bản
- * **Nhiệm vụ 3:** Ôn lại kiến thức văn nghị luận
- * **Nhiệm vụ 4:** Ôn lại kiến thức văn tự sự.
- * **Nhiệm vụ 5:** Sửa bài.

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

(Lưu ý: HS không ghi lại đề.)

ĐỀ

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

Chiếc lá cuối cùng

[.....]

Bác Bơ-men

Họa sĩ già một đời trần trở
Bức tranh để đời vẫn dang dở chưa xong
Thương Giôn-xi bác quận thất trong lòng
Quên cả đời mình cứu cô gái đáng thương bé nhỏ
Để hôm sau chiếc lá vẫn trên cành
Một kiệt tác! Ôi cuộc đời bất hủ!
Này Giôn-xi! Em ơi em có hiểu?
Chiếc lá thương yêu, chiếc lá diệu kì
Bức tranh cuối cùng của người họa sĩ
Kiệt tác cuộc đời, đêm giá lạnh mùa đông.

(Nguồn: <https://blogradio.vn/chiec-la-cuoi-cung-nw190663.html>)

Câu 1: (1,5 điểm) Đoạn thơ trên làm cho em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1? Tác giả là ai? Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên.

Câu 2: (0,5 điểm) Em hãy tìm một thán từ có trong đoạn thơ trên.

Câu 3: (2,0 điểm)

Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi những khó khăn và thử thách. Bản thân mỗi người cũng không ai là hoàn thiện cả. Nhưng dám nhìn thẳng vào sự thật, nhận ra những hạn chế của bản thân và cố gắng vươn lên, chắc chắn thành công sẽ mỉm cười với mỗi người. Ý chí mạnh mẽ và nghị lực kiên cường luôn là người bạn đồng hành trên hành trình tiến đến thành công của chúng ta.

Hãy viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 15 dòng) nói về ý chí và nghị lực của con người.

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN. (6,0 điểm)

Mỗi chúng ta khi lớn lên, đều bỏ lại đằng sau mình một thời thơ ấu biết bao kỉ niệm vui buồn lẫn lộn. Để rồi mỗi khi nhớ lại chúng lại không thôi thổn thức bồi hồi với muôn vàn cung bậc cảm xúc khác nhau. Đó có thể là niềm vui sướng với những nụ cười hạnh phúc nhưng cũng có thể là một nỗi buồn miên man mát mát hay đó còn là những tiếc nuối, dằn vặt,...

Qua đây, em hãy kể về một kỉ niệm mà em nhớ mãi.(Bài viết có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm)

-----HẾT---

I/ XÁC ĐỊNH ĐỀ

- Đề có 2 phần.

II/ ĐÁP ÁN

PHẦN I: ĐỌC-HIỂU(4 Đ)

CÂU 1:

- Đoạn trích trên làm ta nhớ đến văn bản: Chiếc lá cuối cùng (0,5 đ).
- Tác giả: O Hen-ri (0,5 đ).
- **Nội dung:**
 - Tình thương của cụ Bơ-men đối với Giôn-xi và kiệt tác cuối cùng của cụ Bơ-men (0,5 đ).

CÂU 2:

Thán từ có trong đoạn thơ trên: này (0,5 đ).

CÂU 3:

-Hình thức: Học sinh viết đoạn văn theo đúng qui định, hình thức sạch đẹp, rõ ràng, đúng thể loại (0,5 đ).

- Nội dung(1,5 đ) đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Giải thích khái niệm ý chí nghị lực: Ý chí, nghị lực là bản lĩnh, sự dũng cảm và lòng quyết tâm cố gắng vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu để đạt được mục tiêu đề ra.

- Biểu hiện của ý chí nghị lực:

- + Người có nghị lực luôn có thể chuyển rủi thành may, chuyển họa thành phúc, không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven...
- + Luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.

- **Phê phán những người không có ý chí, nghị lực:** Những người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời.

- **Cần phải làm gì:** Rèn luyện ý chí, nghị lực, luôn biết vươn lên, vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm):

Tiêu chí đánh giá bài văn

- **Tiêu chí về nội dung các phần của bài viết (5,0 điểm)**

1.Mở bài :

*Mức tối đa: (0,5 điểm)

- Giới thiệu, gọi tên kỉ niệm mà em nhớ mãi

2. Thân bài:

Kể lại kỉ niệm một cách cụ thể, chi tiết:

***Mức tối đa:** Học sinh trình bày được những ý sau:

- Hoàn cảnh xảy ra sự việc: (1,0đ)

+ Kỉ niệm diễn ra khi nào? Ở đâu?

+ Có những sự việc gì xảy ra? Có ai cùng tham gia?

- Diễn biến của sự việc: (2,0đ)

+ Diễn biến các sự việc như thế nào? Kết thúc ra sao?

- Kỉ niệm đó đã để lại cho em những suy nghĩ và cảm xúc gì?(0,5đ)

- Điều gì khiến em ấn tượng nhất?(0,5đ)

3.Kết bài :

***Mức tối đa:** Học sinh trình bày được

Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về kỉ niệm đó. (0,5đ)

- **Tiêu chí khác (1.0 điểm)**

1. Hình thức : (0.5điểm)

*Mức tối đa : (0.5điểm) HS viết bài văn tự sự có bố cục chặt chẽ, 3 phần , diễn đạt mạch , chữ viết rõ ràng, có thể mắc ít lỗi chính tả .

2. Sáng tạo : (0.5đ)

*Mức tối đa: (0.5điểm) Học sinh kể chuyện hấp dẫn, gây hứng thú cho người đọc, có sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm.

II/ NHẬN XÉT BÀI LÀM

1/ Nhận xét:

PHẦN I:

*Ưu điểm:.....

*Hạn chế:.....

PHẦN II

*Ưu điểm:.....

*Hạn chế:.....

2/ Tỷ lệ %:

Điểm kém(0-3,25 đ):.....

Điểm yếu(3,5-4,8 đ):.....

Điểm trung bình(5,0-6,25 đ):.....

Điểm khá(6,5-7,8 đ):.....

Điểm giỏi(8 trở lên):.....

3/ Sửa lỗi

IV/ ĐỌC BÀI VĂN HAY

DẶN DÒ:

Chuẩn bị bài: “ Câu ghép”